

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC LƯƠNG YÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Hà Nội, Tháng 02 năm 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC LƯƠNG YÊN

Số 373 phố Bạch Mai, P. Bạch Mai, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Lương Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Lương thực Lương Yên tiền thân là Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên được thành lập theo Quyết định 79/QĐ-TCTLTMB-TCLĐ ngày 18/6/2012 của Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc. Theo Quyết định số 346/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 17/12/2020 của Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc phê duyệt phương án cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên, Công ty đã thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng và chính thức chuyển thành công ty cổ phần từ ngày 01/7/2021.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 ngày 01 tháng 7 năm 2021, Vốn điều lệ thực góp của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 35.445.060.000 đồng (*Ba mươi năm tỷ, bốn trăm bốn mươi lăm triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Địa chỉ Trụ sở chính: Số 373 phố Bạch Mai, P. Bạch Mai, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Thanh Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Thắng	Thành viên
Ông La Văn Hải	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Hà	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Lê Thị Hoa	Thành viên
Bà Phạm Thị Kim Thanh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Thắng	Giám đốc
Ông La Văn Hải	Phó Giám đốc
Bà Phan Thị Hải Yến	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Đức Thắng

Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2023

Số: 85/2023/BCKT-CPA VIETNAM-NVI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Lương thực Lương Yên

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Lương thực Lương Yên được lập ngày 27/02/2023, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



A blue ink signature of Vũ Anh Tuấn.

Phan Thanh Nam
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1009-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2023

Vũ Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3011-2022-137-1

Số Giấy Ủy quyền số: 02/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2023

Số Giấy Ủy quyền số: 02/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2023

Số Giấy Ủy quyền số: 02/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2023

Số Giấy Ủy quyền số: 02/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2023

Số Giấy Ủy quyền số: 02/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2023

Số Giấy Ủy quyền số: 02/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2023

Số Giấy Ủy quyền số: 02/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2023

Số Giấy Ủy quyền số: 02/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2023

Số Giấy Ủy quyền số: 02/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		26.205.654.145	48.396.437.032
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		18.493.653.881	12.018.599.729
1. Tiền	111	5.1	1.393.653.881	418.599.729
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.100.000.000	11.600.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		160.481.262	14.904.640.612
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	21.023.092.405	34.611.051.705
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	138.983.562	1.321.083.612
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(21.001.594.705)	(21.027.494.705)
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	5.612.491.895	19.760.396.511
1. Hàng tồn kho	141		5.612.491.895	19.760.396.511
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.939.027.107	1.712.800.180
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	122.918.765	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.720.814.297	1.617.506.135
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	5.9	95.294.045	95.294.045
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+ 240+250+260)	200		4.913.791.468	5.205.689.216
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		50.000.000	50.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	50.000.000	50.000.000
II. Tài sản cố định	220		4.863.791.468	5.085.185.120
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	4.863.791.468	5.085.185.120
- Nguyên giá	222		8.685.218.948	8.685.218.948
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.821.427.480)	(3.600.033.828)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	70.504.096
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	-	70.504.096
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		31.119.445.613	53.602.126.248

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		18.813.423.292	39.571.252.457
I. Nợ ngắn hạn	310		18.813.423.292	39.571.252.457
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	77.355.000	4.621.895.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		1.347.672.654	1.357.202.059
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.10	-	10.938.356
4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.11	70.273.001	58.181.819
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	411.360.400	18.476.772.986
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	16.900.000.000	14.900.000.000
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		6.762.237	146.262.237
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400	5.14	12.306.022.321	14.030.873.791
I. Vốn chủ sở hữu	410		12.306.022.321	14.030.873.791
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.445.060.000	35.445.060.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.445.060.000	35.445.060.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(23.139.037.679)	(21.414.186.209)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(21.414.186.209)	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.724.851.470)	(21.414.186.209)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		31.119.445.613	53.602.126.248

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Phan Thị Minh Hiền

Phan Thị Minh Hiền

Nguyễn Đức Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	265.271.572.934	165.339.468.508
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		265.271.572.934	165.339.468.508
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	261.089.056.866	162.471.441.407
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		4.182.516.068	2.868.027.101
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	586.227.376	176.038.491
7. Chi phí tài chính	22	6.4	983.975.685	148.421.918
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		759.556.985	148.421.918
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	1.750.245.948	1.054.943.629
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	3.744.459.570	23.254.886.254
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		(1.709.937.759)	(21.414.186.209)
11. Thu nhập khác	31	6.6	-	-
12. Chi phí khác	32	6.6	14.913.711	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(14.913.711)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(1.724.851.470)	(21.414.186.209)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(1.724.851.470)	(21.414.186.209)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	(486,63)	(6.041,52)

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu



Phan Thị Minh Hiền

Kế toán trưởng



Phan Thị Minh Hiền



Giám đốc

Nguyễn Đức Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS TM	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(1.724.851.470)	(21.414.186.209)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	221.393.652	110.696.826
- Các khoản dự phòng	03	(25.900.000)	21.027.494.705
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(586.227.376)	(176.038.491)
- Chi phí lãi vay	06	759.556.985	148.421.918
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.356.028.209)	(303.611.251)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	14.666.751.188	8.430.187.640
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	14.147.904.616	21.115.957.911
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(22.746.890.809)	(36.702.136.712)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(52.414.669)	74.118.874
- Tiền lãi vay đã trả	14	(770.495.341)	(257.375.342)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.888.826.776	(7.642.858.880)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	586.227.376	176.038.491
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	586.227.376	176.038.491
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	58.300.000.000	34.900.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(56.300.000.000)	(33.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.000.000.000	1.900.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	6.475.054.152	(5.566.820.389)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	12.018.599.729	17.585.420.118
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70 5.1	18.493.653.881	12.018.599.729

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Phan Thị Minh Hiền

Phan Thị Minh Hiền

Nguyễn Đức Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lương thực Lương Yên tiền thân là Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên được thành lập theo Quyết định 79/QĐ-TCTLTMB-TCLĐ ngày 18/6/2012 của Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc. Theo Quyết định số 346/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 17/12/2020 của Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc phê duyệt phương án cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên, Công ty đã thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng và chính thức chuyển thành công ty cổ phần từ ngày 01/7/2021.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 ngày 01 tháng 7 năm 2021, Vốn điều lệ thực góp của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 35.445.060.000 đồng (*Ba mươi năm tỷ, bốn trăm bốn mươi lăm triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Địa chỉ Trụ sở chính: Số 373 phố Bạch Mai, P. Bạch Mai, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: LUONGYEN FOOD JOINT STOCK

Số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 30 người (Tại ngày 31/12/2021 là 35 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Thu mua, bảo quản, chế biến, bán buôn, bán lẻ, dự trữ, lưu thông lương thực, nông sản, thực phẩm;
- Bán buôn nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Cho thuê tài sản, nhà, kho, văn phòng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Thu mua, bảo quản chế biến, bán buôn, bán lẻ, dự trữ, lưu thông lương thực, nông sản và các mặt hàng thiết yếu khác; cho thuê văn phòng.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp

Từ đầu năm 2022, sau đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng lớn tới nền kinh tế Việt Nam. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều ảnh hưởng sau đại dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Công ty được gia hạn thời gian nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất năm 2022 theo Nghị định số 34/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có 01 chi nhánh trực thuộc như sau:

TT	Đơn vị trực thuộc	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh chính
1	Chi Nhánh Công ty CP Lương Thực Lương Yên tại Đồng Bằng Sông Cửu Long	Đồng Tháp	Kinh doanh nông sản các loại

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), Chi phí công cụ dụng cụ theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán gạo, doanh thu cho thuê văn phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán gạo, doanh thu cho thuê văn phòng.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và tiền lãi phải trả cho người mua đã trả trước tiền mua hàng cho Công ty theo hợp đồng mua bán thành phẩm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp theo)

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh sản phẩm thiếc thời và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	817.218.581	303.754.930
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	576.435.300	114.844.799
Các khoản tương đương tiền (*)	17.100.000.000	11.600.000.000
Tổng	18.493.653.881	12.018.599.729

(*) Các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV Chi nhánh Tây Hồ có kỳ hạn 01 tháng, lãi suất tiền gửi 3%/ năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	21.023.092.405	34.611.051.705
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	-	9.085.924.000
Cty TNHH khai thác khoáng sản Hoà Bình - THT	11.273.521.829	11.273.521.829
Công ty CP SX và TM Khánh An	9.138.967.100	9.138.967.100
Công ty Cổ phần Muối Việt Nam	-	4.497.633.000
Các đối tượng khác	610.603.476	615.005.776
Tổng	21.023.092.405	34.611.051.705
<i>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>	-	9.085.924.000
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)</i>		

5.3 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	138.983.562	-	1.321.083.612	-
Ký cược, ký quỹ	25.000.000	-	25.000.000	-
Phải thu về Cổ phần hoá	-	-	1.296.083.612	-
Các đối tượng khác	113.983.562	-	-	-
Dài hạn	50.000.000	-	50.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	50.000.000	-	50.000.000	-
Tổng	188.983.562	-	1.371.083.612	-

5.4 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty TNHH khai thác khoáng sản Hoà Bình - THT	11.273.521.829		11.273.521.829	11.273.521.829
Công ty CP SX và TM Khánh An	9.138.967.100		9.138.967.100	9.138.967.100
Nhà máy chế biến TA chăn nuôi và thủy sản Thăng Long	589.105.776		615.005.776	615.005.776
Tổng	21.001.594.705	-	21.027.494.705	21.027.494.705

5.5 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	36.450.000	-	-	-
Thành phẩm	1.725.582.325	-	19.743.211.511	-
Hàng hoá (i)	3.850.459.570	-	17.185.000	-
Tổng	5.612.491.895	-	19.760.396.511	-

5.6 Chi phí trả trước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	122.918.765	-
Chi phí ngắn hạn khác	122.918.765	-
Dài hạn	-	70.504.096
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	70.504.096
Tổng	122.918.765	70.504.096

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.7 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2022	6.897.185.858	1.740.433.090	47.600.000	8.685.218.948
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	6.897.185.858	1.740.433.090	47.600.000	8.685.218.948
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2022	2.267.546.282	1.284.887.546	47.600.000	3.600.033.828
Tăng trong năm	134.623.068	86.770.584	-	221.393.652
Khấu hao trong năm	134.623.068	86.770.584	-	221.393.652
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	2.402.169.350	1.371.658.130	47.600.000	3.821.427.480
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại 01/01/2022	4.629.639.576	455.545.544	-	5.085.185.120
Số dư tại 31/12/2022	4.495.016.508	368.774.960	-	4.863.791.468

Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2022: 4.863.791.486 đồng (tại ngày 31/12/2021: 6.720.896.515 đồng).

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022: 1.247.512.651 đồng (Tại ngày 31/12/2021: 1.247.512.651 đồng).

5.8 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	77.355.000	77.355.000	4.621.895.000	4.621.895.000
Chi nhánh Tổng Công ty Lương Thực Miền Bắc tại TP Hồ Chí Minh	-	-	4.544.540.000	4.544.540.000
Đối tượng khác	77.355.000	77.355.000	77.355.000	77.355.000
Tổng	77.355.000	77.355.000	4.621.895.000	4.621.895.000
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	4.544.540.000	4.544.540.000
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)</i>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.9 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
Phải nộp	1.357.202.059	511.009.890	520.539.295	1.347.672.654
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.529.405	-	9.529.405	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	492.096.179	492.096.179	-
Các loại thuế khác	1.347.672.654	3.000.000	3.000.000	1.347.672.654
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	15.913.711	15.913.711	-

	01/01/2022	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	31/12/2022
Phải thu	95.294.045	-	-	95.294.045
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	95.294.045	-	-	95.294.045

5.10 Chi phí phải trả

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	-	10.938.356
Chi phí lãi vay phải trả	-	10.938.356
Tổng	-	10.938.356

5.11 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	70.273.001	58.181.819
Doanh thu cho thuê mặt bằng	70.273.001	58.181.819
Tổng	70.273.001	58.181.819

5.12 Phải trả khác

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	411.360.400	18.476.772.986
Phải trả về cổ phần hóa	-	16.265.695.629
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	230.500.000	230.500.000
Phải trả tiền bán đất cho Ngân sách nhà nước	-	1.812.716.957
Các khoản phải trả khác	180.860.400	167.860.400
Tổng	411.360.400	18.476.772.986

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.13 Vay

		Phát sinh trong năm		Đơn vị tính: VND	
		31/12/2022	01/01/2022		
		Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ	
		Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
Vay ngắn hạn		16.900.000.000	58.300.000.000	56.300.000.000	14.900.000.000
- Vay Ngắn hạn		16.900.000.000	58.300.000.000	56.300.000.000	14.900.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam		16.900.000.000	58.300.000.000	56.300.000.000	14.900.000.000
- CN Tây Hồ					
Tổng		16.900.000.000	58.300.000.000	56.300.000.000	14.900.000.000

Thông tin về các khoản vay

Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ:

- Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/10654588/HĐTD ngày 14/11/2022, hạn mức cho vay là 30 tỷ đồng, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, mở LC phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.14 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/07/2021	40.000.000.000	11.274.598.011	51.274.598.011
Tăng trong năm	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	4.554.940.000	32.688.784.220	37.243.724.220
Lỗ trong năm	-	21.461.833.231	21.461.833.231
Giảm khác	4.554.940.000	11.226.950.989	15.781.890.989
Số dư tại 31/12/2021	35.445.060.000	(21.414.186.209)	14.030.873.791
Số dư tại 01/01/2022	35.445.060.000	(21.414.186.209)	14.030.873.791
Giảm trong năm	-	1.724.851.470	1.724.851.470
Lỗ trong năm	-	1.724.851.470	1.724.851.470
Số dư tại 31/12/2022	35.445.060.000	(23.139.037.679)	12.306.022.321

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tổng Công ty Lương thực miền Bắc	34.787.060.000	34.787.060.000
Cổ đông khác	658.000.000	658.000.000
Tổng	35.445.060.000	35.445.060.000

c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	35.445.060.000	35.445.060.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	35.445.060.000	35.445.060.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.544.506	3.544.506
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.544.506	3.544.506
Cổ phiếu phổ thông	3.544.506	3.544.506
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.544.506	3.544.506
Cổ phiếu phổ thông	3.544.506	3.544.506
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	263.037.482.300	164.577.377.600
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.234.090.634	762.090.908
Tổng	265.271.572.934	165.339.468.508
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại thuyết minh 7.1)</i>	<i>100.671.728.500</i>	<i>73.353.523.000</i>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	260.226.592.687	162.471.441.407
Giá vốn cung cấp dịch vụ	862.464.179	-
Tổng	261.089.056.866	162.471.441.407

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi	586.227.376	176.038.491
Tổng	586.227.376	176.038.491

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	759.556.985	148.421.918
Lãi chậm trả tiền hàng của chi nhánh	224.418.700	-
Tổng	983.975.685	148.421.918

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.744.459.570	23.254.886.254
Chi phí nhân viên quản lý	2.607.795.077	1.261.489.436
Chi phí đồ dùng văn phòng	37.571.834	43.725.090
Chi phí khấu hao TSCĐ	231.774.059	110.696.826
Thuế, phí và lệ phí	19.682.239	9.722.136
Chi phí dự phòng (Hoàn nhập dự phòng)	(25.900.000)	21.027.494.705
Chi phí dịch vụ mua ngoài	165.558.589	75.119.396
Chi phí bằng tiền khác	707.977.772	726.638.665
Chi phí bán hàng	1.750.245.948	1.054.943.629
Chi phí vật liệu quản lý	77.124.691	67.140.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.673.121.257	987.803.629

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thu nhập khác	-	-
Tổng	-	-
Chi phí khác		
Chi phí khác	14.913.711	-
Tổng	14.913.711	-
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(14.913.711)	-

6.7 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.724.851.470)	(21.414.186.209)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Chi phí khác không được trừ	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(1.724.851.470)	(21.414.186.209)
Chuyển lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	(1.724.851.470)	(21.414.186.209)
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Tổng	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(1.724.851.470)	(21.414.186.209)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(1.724.851.470)	(21.414.186.209)
Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	3.544.506	3.544.506
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	3.544.506	3.544.506
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(486,63)	(6.041,52)

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	70.372.777.921	41.550.479.650
Chi phí nhân công	3.959.875.310	2.053.209.028
Chi phí khấu hao tài sản cố định	221.393.652	110.696.826
Chi phí dự phòng	-	21.027.494.705
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.328.990.190	584.493.413
Chi phí khác bằng tiền	3.255.942.873	2.667.846.139
Tổng	79.138.979.946	67.994.219.761

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Lương và thù lao	421.176.000	538.726.800
Tổng		421.176.000	538.726.800

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2022	01/01/2022
		VND	VND
Phải thu khách hàng		-	9.085.924.000
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	Phải thu khách hàng	-	9.085.924.000
Người mua trả tiền trước		-	-
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	Người mua trả tiền trước	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

7.1. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Bán hàng		100.671.728.500	73.353.523.000
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	Tiền hàng hóa	100.671.728.500	73.353.523.000

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2022	01/01/2022
		VND	VND
Phải thu khách hàng		-	9.085.924.000
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	Phải thu khách hàng	-	9.085.924.000

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2022	01/01/2022
		VND	VND
Phải trả người bán		-	4.544.540.000
Chi nhánh Tổng Công ty Lương Thực Miền Bắc tại TP Hồ Chí Minh	Mua hàng	-	4.544.540.000

7.2. Điều chỉnh hồi tố

Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm 2021 do điều chỉnh theo biên bản kiểm toán nhà nước ngày 15 tháng 07 năm 2022 nên Công ty điều chỉnh tăng thuế đất nộp thừa trong năm với số tiền là 95.249.045 đồng tương ứng với điều chỉnh tăng thuế TNDN phải nộp với số tiền là 9.529.405 đồng, điều chỉnh tăng phải trả cổ phần hóa với số tiền là 38.117.618 đồng và điều chỉnh tăng khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền là 47.647.022 đồng. Chênh lệch cụ thể như sau:

CHÊNH LỆCH SỐ LIỆU BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2021	Chênh lệch
	sau điều chỉnh	đã trình bày	
	hồi tố		
	VND	VND	VND
Thuế và các khoản khác phải thu NN	95.294.045	-	95.294.045
Tổng thay đổi Tài sản			95.294.045
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.357.202.059	1.347.672.654	9.529.405
Phải trả ngắn hạn khác	18.476.772.986	18.438.655.368	38.117.618
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(21.414.186.209)	(21.461.833.231)	47.647.022
Tổng thay đổi Nguồn vốn			95.294.045

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

7.2. Điều chỉnh hồi tố (Tiếp theo)

CHÊNH LỆCH SỐ LIỆU BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm 2021 sau điều chỉnh hồi tố (VND)	Năm 2021 đã trình bày (VND)	Chênh lệch (VND)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.254.886.254	23.302.533.276	(47.647.022)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(21.414.186.209)	(21.461.833.231)	47.647.022

CHÊNH LỆCH SỐ LIỆU BẢNG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Chỉ tiêu	Năm 2021 sau điều chỉnh hồi tố (VND)	Năm 2021 đã trình bày (VND)	Chênh lệch (VND)
Lợi nhuận trước thuế	(21.414.186.209)	(21.461.833.231)	47.647.022
Tăng, giảm các khoản phải trả	(36.702.136.712)	(36.654.489.690)	(47.647.022)

7.3. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2021 đến ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT và được điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán nhà nước ngày 15/07/2022.

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Phan Thị Minh Hiền

Kế toán trưởng

Phan Thị Minh Hiền

Giám đốc



Nguyễn Đức Thắng